

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 113/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thuận An, ngày 08 tháng 02 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 105/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2020 về việc Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trương Thạch A, sinh năm 1989; thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Chi nhánh xí nghiệp Cấp thoát nước Thuận An, tổ 1, khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

- Bà Cao Thị Thùy Tr, sinh năm 1989; thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; tạm trú: Chi nhánh xí nghiệp Cấp thoát nước Thuận An, tổ 1, khu phố Đông Ba, phường Bình Hòa, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr tự nguyện quen biết, đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Đ, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 15, quyển số 01/2014 ngày 07/02/2014. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, sống không hạnh phúc. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được ông A và bà Tr yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr có 02 con chung tên Trương Anh Kh, sinh ngày 18/02/2014 và Trương Anh Kh, sinh ngày 15/4/2019. Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr thống nhất sau khi ly hôn bà Cao Thị Thùy Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Anh Kh, sinh ngày 18/02/2014 và Trương Anh Kh, sinh ngày 15/4/2019.

[3] Về cấp dưỡng: Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr thống nhất ông Trương Thạch A phải cấp dưỡng nuôi con Trương Anh Kh, sinh ngày 18/02/2014 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng và cấp dưỡng nuôi con Trương Anh Kh, sinh ngày 15/4/2019 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện cấp

dưỡng từ tháng 2 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[4] Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông A, bà Tr là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Cao Thị Thùy Tr được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trương Anh Kh, sinh ngày 18/02/2014 và Trương Anh Kh, sinh ngày 15/4/2019.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Thạch A phải cấp dưỡng nuôi con Trương Anh Kh, sinh ngày 18/02/2014 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng và cấp dưỡng nuôi con Trương Anh Kh, sinh ngày 15/4/2019 số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ tháng 2 năm 2021 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm trả còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

- Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Trương Thạch A và bà Cao Thị Thùy Tr phải chịu 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0053580 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Phòng tư pháp thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đình Hiệp